

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2019/HS-PT

Ngày: 21-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

Các Thẩm phán:

Bà Trương Thị Tuyền

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hồng Thảo Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 113/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị U; do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 52/2019/HS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo kháng cáo Nguyễn Thị U, sinh năm 1965, tại tỉnh Tiền Giang; nơi ĐKNKTT: Số 173/3, hẻm số 73 đường B, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị S; chồng: Lê Ngọc B; con có 01 người (chết); tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo đang tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Bà Đào Thị C, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 136 đường T, Khu phố 6, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Tòa án không triệu tập).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Ngọc B, sinh năm 1960; địa chỉ thường trú: Số 164/235 đường T, Phường S, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 45 phút ngày 12-01-2019, Nguyễn Thị U điều khiển xe mô tô biển số 54U1- 4526 đi bán vé số; đi ngang cửa hàng tạp hóa của Bà Đào Thị

C; đường N, khu phố 6, phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh thấy không có người trông coi; Nguyễn Thị U dựng xe đi vào quán, lên lút lấy trộm một túi xách màu xám vàng để trên bàn; bên trong túi có số tiền Việt Nam 2.600.000 đồng; card điện thoại các loại gồm: 84 card mệnh giá 100.000 đồng; 110 card mệnh giá 50.000 đồng; 100 card mệnh giá 20.000 đồng; 70 card mệnh giá 10.000 đồng. Nguyễn Thị U điều khiển xe khoảng 500m dừng lại kiểm tra lấy tiền cất giữ; card điện thoại và túi xách ném vào lùm cây ven đường không xác định được vị trí.

Nguyễn Thị U trả cho chủ nhà trọ số tiền 800.000 đồng tiền thuê phòng, tiêu xài số tiền 610.000 đồng, còn lại số tiền 1.190.000 đồng; đến ngày 15-01-2019; tại Công an Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Nguyễn Thị U thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản.

Kết luận định giá tài sản số: 07/KLĐG -TTHS ngày 21-01-2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh kết luận: 01 túi vải 05 ngăn kéo (đã qua sử dụng) màu xám vàng rộng 25cm x dài 30cm không đủ cơ sở định giá.

Kết quả thu giữ, xử lý vật chứng: Bà Đào Thị C đã nhận số tiền 1.990.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 54U1- 4526; giấy đăng ký xe mô tô biển số 54U1- 4526; giấy bán tặng cho xe của Nguyễn Thị U và căn cước công dân tên Nguyễn Thị U; Công an thành phố T thu giữ.

Trách nhiệm dân sự: Bà Đào Thị C yêu cầu bồi thường số tiền 16.600.000 đồng trị giá card điện thoại và số tiền 610.000 đồng bị mất; tổng số tiền 17.210.000 đồng

Nguyễn Thị U không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Bản án Hình sự sơ thẩm số: 52/2019/HS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh; quyết định:

Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị U phạm tội “Trộm cắp **tài sản**”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U 01 (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Nguyễn Thị U có trách nhiệm bồi thường cho Bà Đào Thị C số tiền 17.210.000 đồng.

- Trả cho bị cáo và Ông Lê Ngọc B: xe mô tô biển số 54U1- 4526; nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án; giấy đăng ký xe mô tô biển số 54U1- 4526; giấy bán tặng cho xe có xác nhận của Ủy ban nhân dân quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân tên Nguyễn Thị U.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019, bị cáo có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại Quyết định số: 01/QĐ-KNPT ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 52/2019/HS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Thị U.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản và xin Hội đồng xét xử cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên Quyết định số: 01/QĐ-KNPT ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số: 52/2019/HS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U 01(một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Những hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận: Khoảng 06 giờ 45 phút ngày 12/01/2019, bị cáo điều khiển xe mô tô 54U1-4526 đi bán vé số, đi ngang qua cửa hàng tạp hóa trên đường T, Khu phố 6, Phường 3, thành phố T của bà Đào Thị C; bị cáo thấy không có người quản lý nên đi vào bên trong quán, lén lút lấy trộm 01 giỏ xách màu vàng, bên trong có tiền và 5 đến 6 cuộn card điện thoại di động; bị cáo chiếm đoạt số tiền 2.600.000 đồng; card và giỏ xách bị cáo vứt bỏ. Bị hại xác định card điện thoại nhiều mệnh giá có tổng giá trị 16.600.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường.

Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai bị hại; các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình là có căn cứ.

[3] Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an chung tại địa phương.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xác định bị bệnh đại tràng giai đoạn 2, nhưng không sử dụng hậu môn nhân tạo và không đi tái khám do không có điều kiện, ngoài ra bị cáo không cung cấp chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh thấy rằng: Bị cáo có địa chỉ thường trú tại nhà số 173/3, hẻm số 73 đường B, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nhưng qua xác minh nhà của bà Nguyễn Thị Sao và ông Trần Văn Nhị; chỗ ở hiện nay bị cáo đang sinh sống tại nhà trọ không đăng ký tạm trú nên không có nơi cư trú rõ ràng, nghề nghiệp không ổn định; nên đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh không phù hợp nên không chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Theo điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 355; 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
2. Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh
3. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.
4. Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số: 52/2019/HS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND. TP. Tây Ninh;
- Công an TP. Tây Ninh ;
- Chi cục THADS TP. Tây Ninh ;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Minh Châu

